

Bản án số: 176/2017/HSST
Ngày: 28/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Nguyên.

2/ Ông Trần Văn Hào.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên - Cán bộ Tòa án Nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 157/2017/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Thị T**; sinh năm: 1992 tại tỉnh Hậu Giang; Nơi ĐKKHKT: khu vực 6, phường H, thị xã N, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: Đường A, khu phố 2, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Họ tên cha: Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1967; Họ tên Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; Bị cáo có chồng tên: Trần Văn P, sinh năm: 1980, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Ông Kiều Công V, sinh năm: 1977,

Bà Hồ Thị Thu T, sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: Nhà X, đường N, khu phố 1, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Huỳnh Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Huỳnh Thị T là người giúp việc bán thời gian (từ 07 giờ sáng đến 12 giờ trưa hàng ngày) tại nhà vợ chồng anh Kiều Công V – Hồ Thị Thu T ở nhà X, đường N, khu phố 1, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 23/5/2017, trong lúc đang dọn dẹp trong phòng ngủ của anh V – chị T, T phát hiện trên đầu tủ trang điểm có để 01 cọc tiền (mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lúc này, lợi dụng trong phòng không có người, T lén lút lấy 1.000.000 đồng (02 tờ mệnh giá 500.000 đồng) trong cọc tiền nói trên rồi tiếp tục làm việc bình thường đến hết giờ thì quay về phòng trọ của mình tại đường A, khu phố 2, thị trấn T, huyện B và giấu số tiền này trong giỏ đựng đồ đang treo trên vách phòng trọ.

Đến ngày 25/5/2017, cũng với cách thức tương tự, T lấy trộm số tiền 4.000.000 đồng trong cọc tiền nói trên rồi mang về phòng trọ cất giấu chung với số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 26/5/2017, cũng với cách thức như những lần trước, T lấy hết số tiền còn lại này và đếm được 14.000.000 đồng, sau đó, T lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng xuống đưa cho chị T và nói là nhặt được trong lúc dọn dẹp phòng; số tiền còn lại (13.500.000 đồng), T mang về phòng trọ của mình và cất giữ chung với số tiền đã chiếm đoạt được trước đó.

Khoảng 20 giờ ngày 27/5/2017, trong lúc kiểm tra tài sản, anh V phát hiện bị mất cọc tiền nói trên nên đã đến công an thị trấn Tân Túc trình báo và nghi vấn chính T lấy trộm.

Qua lời khai và chỉ điểm của anh V, công an thị trấn Tân Túc đã mời T về trụ sở làm việc, thu giữ và niêm phong số tiền 18.500.000 đồng do T tự nguyện giao nộp rồi lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến công an huyện Bình Chánh xử lý.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Chánh, Huỳnh Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng: số tiền 18.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 154/CTr-VKS ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h, g khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ghi nhận vật chứng đã giải quyết xong.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đương sự;

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vào ngày 23/5/2017, tại nhà X, đường N, khu phố 1, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh bị cáo Huỳnh Thị T dọn dẹp nhà của ông Kiều Công V và chị Hồ Thị Thu T thì phát hiện 01 cọc tiền để trên đầu tủ trang điểm thì T đã lén lút chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng rồi đem về nhà trọ cất giấu. đến ngày 25/5/2017 bị cáo Huỳnh Thị T lại tiếp tục lén lút rút số tiền 4.000.000 đồng trong cọc tiền ở nhà của anh V – chị T. Đến ngày 26/5/2017 bị cáo Huỳnh Thị T đã lén lút lấy hết số tiền còn lại là 14.000.000 đồng, nhưng sau đó bị cáo T đã rút ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa lại cho chị T và nói là dọn dẹp nhà cửa nhặt được. sau khi lấy được số tiền còn lại thì bị cáo đem về nhà trọ cất chung vào số tiền lấy được 02 ngày trước đó. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 18.500.000 đồng

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Bị cáo lợi dụng sự quản lý tài sản của người khác rồi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trái phép. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng vì vụ lợi mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) và xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo, tài sản đã được thu hồi giao trả cho người bị hại, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và có 02 trộm cắp giá trị tài sản trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án: đối với số tiền 18.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Kiều Công V. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa ông Kiều Công V và Bà Hồ Thị Thu T vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra bị cáo Huỳnh Thị T đã bồi thường số tiền 26.000.000 đồng cho bị hại Kiều Công V và ông V đã làm đơn bãi nại cho bị cáo T và không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 98 và khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Huỳnh Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

- Về án phí: áp dụng Điều 98, khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo.

Nơi nhận:

- Tòa án TP.HCM;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án DS H. Bình Chánh;
- Sở Tư pháp, Tp.HCM;
- Lưu HS;
- Công an PC53.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quý